TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 05 - 8 - 2020
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Trần Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Nguyễn Ước

2.Ông Phạm Quang Vinh

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Thanh Tài - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng *tham gia phiên tòa*: Bà Trần Thị Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt**,** tỉnh Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 32/2020/QĐST - HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Tưởng Thị Ph, Sinh năm:1992 (có mặt).

Địa chỉ: Số 16, đường Đ, Phường C, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Hiện trú tại: Số 4/23A đường 11, ấp C, xã B, huyện T, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn: Anh Tưởng Xuân S, Sinh năm: 1995 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 16, đường D, Phường C, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trình bày của nguyên đơn chị Tưởng Thị Ph thì: Chị và anh S kết hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Tr, tỉnh Q. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong

tục tập quán. Sau khi cưới vợ chồng sống tại xã Quảng Tùng, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình được 1 tháng rồi chuyển vào sống ở nhà trọ tại địa chỉ: Số 16, đường Đ, Phường C, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát S mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh S thường xuyên ăn nhậu, mỗi lần say xỉn thì về nhà đánh đập chị, anh S ham chơi và không quan tâm chăm sóc vợ con, hiện nay đã có tình cảm với người khác. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S để ổn định cuộc sống. Về con chung chị Ph xác định vợ chồng có 01 con chung là Tưởng Minh T, sinh ngày 20/7/2019. Khi ly hôn chị Ph yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Thành đến khi thành niên và không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung chị Ph xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Tưởng Xuân S đã được tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về việc tổ chức phiên họp kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập nhưng đều vắng mặt không có lý do và anh S cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình để gửi cho Tòa án. Do anh Minh vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, chị Tưởng Thị Ph xác định tình cảm vợ chồng không còn, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân nên vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh S. Về con chung chị Ph xác định vợ chồng có 01 con chung là Tưởng Minh T, sinh ngày 20/7/2019, hiện cháu Thành đang sống cùng chị, ly hôn chị có nguyện vọng được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi con thành niên và không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung chị Ph xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự phiên toà sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có mặt tại phiên toà đã chấp hành đúng nội quy phiên toà theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đương sự vắng mặt đã được Tòa án niêm yết thủ tục đầy đủ đúng quy định. Về nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Ph, xử cho chị Ph được ly hôn với anh S. Về con chung đề nghị giao cháu Tưởng Minh Thành cho chị Ph được quyền trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục

đến khi con trưởng thành, quá trình chị Ph không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung, chị Ph xác định không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Tưởng Xuân S đã được triệu tập hợp lệ trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tham gia phiên tòa hôm nay nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 cần xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân*:* Chị Ph và anh S kết hôn với nhau năm 2015 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Tr, tỉnh Q. Theo chị Ph cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát S mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do S thường xuyên ăn nhậu, mỗi lần say xỉn thì về nhà đánh đập chị, anh S ham chơi và không quan tâm chăm sóc vợ con, hiện nay anh S đã có tình cảm với người khác, vợ chồng đã sống ly thân. Tại phiên tòa, chị Ph xác định không còn tình cảm với anh S và giữ nguyên yêu cầu được ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Ph và anh S đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn và cả hai đã sống ly thân. Quá trình Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập hợp lệ anh S đến để tiến hành hòa giải, nhưng anh S không có mặt chứng tỏ anh S không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, nếu kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho nhau do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ph, xử cho chị Ph và anh S được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Ph xác định vợ chồng có 01 con chung là Tưởng Minh Thành, S ngày 20/7/2019, hiện nay cháu Thành đang sống cùng chị Ph; ly hôn chị Ph có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi con. Xét thấy, hiện nay cháu Tưởng Minh T còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi), rất cần sự chăm sóc của mẹ và cháu Thành đang chung sống ổn định với chị Ph. Vì vậy để đảm bảo sự ổn định về mặt tâm S lý của cháu Thành cần tiếp tục giao con chung là Tưởng Minh Thành cho chị Ph có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Ph không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ph xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Ph phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Tưởng Thị Ph.

1.1/Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Tưởng Thị Ph và anh Tưởng Xuân S được ly hôn.

1.2/Về con chung: Giao con chung là Tưởng Minh T, sinh ngày 20/7/2019 cho chị Tưởng Thị Ph có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con thành niên.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

2/Về án phí: Chị Tưởng Thị Ph phải chịu 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2016/0017245 ngày 02 tháng 3 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, chị Ph đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án (05/8/2020). Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15*(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tp. Đà Lạt;
- Chi cục THADS tp. Đà Lạt;
- UBND xã Q, huyện Tr, tỉnh Q;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Thị Lan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lan